

LÊ DUY KỶ (1766-1793) ĐÁNG THƯƠNG HAY ĐÁNG TRÁCH? (Tiếp theo và hết)

Nguyễn Duy Chính*

LTS. Tháng 12 năm 1924, tạp chí *Nam Phong* khởi đăng một biên khảo bằng Hán văn dài 5 kỳ nhan đề *Tang thương lệ sử* do Đinh Lệnh Uy biên soạn. Đến năm 1945, Phan Trần Chúc lại biên soạn một tác phẩm khác bằng chữ Quốc ngữ nhan đề *Bánh xe khứ quốc*. Tuy chỉ dựa vào tài liệu trong nước nhưng cả hai công trình này đã biên soạn khá đầy đủ về cuộc đời và thân phận lưu vong của vua Lê Chiêu Thống. Ngót 70 năm trôi qua, tác giả Nguyễn Duy Chính lại viết về nhân vật chịu nhiều tai tiếng này trong một biên khảo mới: *Lê Duy Kỳ (1766-1793): đáng thương hay đáng trách?* Ngoài phần mở đầu và kết luận, biên khảo này gồm 6 phần: 1) Đàng Ngoài cuối thế kỷ XVIII; 2) Tây Sơn chiếm miền Bắc, vua Lê xuất bôn; 3) Nhà Thanh cứu viện; 4) Trở lại Thăng Long; 5) Bang giao Thanh-Việt hậu chiến; 6) Nhân cách và tài năng. Dựa vào nhiều nguồn sử liệu khác nhau, biên khảo của tác giả Nguyễn Duy Chính cung cấp cho người đọc những thông tin đa chiều, khắc họa rõ nét cuộc đời và thân phận long đong của một ông vua bù nhìn trong tay các phe phái quyền lực, cuối cùng đã bị nhà Thanh lợi dụng để đem quân xâm lược nước ta vào năm 1788. Xem từ tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển* số 6 (89). 2011.

PHẦN VI: NHÂN CÁCH VÀ TÀI NĂNG

Hầu hết người ta khi nhắc đến Lê Chiêu Thống thường kèm theo những lời trách cứ, nhẹ nhất cũng kết án ông là phường bán nước. Tội danh đó tùy theo sự nhận định của mỗi người nhưng hầu hết chỉ làm công việc lập lại một định kiến có sẵn. Cũng nên thêm, việc kết án này chỉ mới xuất hiện gần đây, trong những tài liệu vào đầu thế kỷ XX, các sử gia đề cập đến vua Lê thường tỏ ra thương cảm hơn là kết án.

Trong phần này, chúng tôi thử đánh giá lại ông qua những gì chúng ta còn có được.

1. Tội danh

1.1. Vụ án “sát thúc, dâm muội”

Trong những tội danh mà nhà Tây Sơn gán cho ông, có bốn chữ “sát thúc, dâm muội”. Những tội ác này được nhắc đến nhưng không thấy đưa ra một chứng cứ rõ rệt. Về việc dâm muội thì chúng ta chỉ biết ông có một bà vợ là Nguyễn Thị Kim, người làng Tỳ Bà, [em của Nguyễn Quốc Đống]. Như vậy hai người có thể có liên hệ họ hàng xa, là anh em cô cậu hay cháu cô cháu cậu, có một người con là Lê Duy Thuyên, cũng mất sớm. Đối với người Việt chúng ta, anh em cô cậu chưa được lấy nhau nên trở thành một tội ác. Tuy nhiên, tình nghĩa của hai người rất thắm thiết, Lê Duy Kỳ khi sang Trung Hoa không lấy vợ khác, bà Nguyễn Thị Kim thủ tiết rồi tự tử khi di thể của chồng được đưa về.^(**)

* California, Hoa Kỳ.

** Xem thêm: Nguyễn Duy Chính, “Liệt phi Nguyễn Thị Kim (1765-1804) - người đàn bà bất hạnh”, tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, số 5 (88). 2011. BBT.

Còn chuyện sát thúc thì được nhắc lại trong sử triều Nguyễn cho rằng hành vi trả thù này được thi hành khi ông đang ở Thăng Long dưới sự bảo hộ của quân Thanh. *Khâm định Việt sử* chép như sau:

...Nhà vua có tính hẹp hòi, khắc nghiệt. Trong họ tôn thất có người phụ nữ lấy tướng giặc, đang có mang cũng bị nhà vua sai mổ bụng chết. Lại sai chặt chân ba người hoàng thúc, quăng ra chợ cung (chợ ở trong cung). Lòng người dần dần ngờ vực, không nhất trí.⁽¹⁷⁵⁾

Những chi tiết về tội ác đó cũng được lập lại trong *Hoàng Lê nhất thống chí*:

...Ngoài ra, có ba người chú vua liên lạc với Tây Sơn, lại gả con gái cho họ, đều bị vua ngầm sai người bắt đem chặt chân, rồi vứt xuống cái giếng ở trong cung.⁽¹⁷⁶⁾

Thực ra, như trong lá thư của Lê Duy Cẩn gửi Tôn Sĩ Nghị từ trước khi quân Thanh tiến binh đã nhắc đến vụ án này xảy ra khi Nguyễn Hữu Chỉnh cầm quyền mà chúng ta còn biết được tên ba người này là Lê Duy Lữ, Lê Duy Lân, Lê Duy Hội. Như vậy việc này xảy ra không biết chính xác lúc nào và cũng không rõ nguyên ủy, do tranh chấp quyền hành hay vì ở trong một âm mưu của họ Lê chống lại Cống Chỉnh. Phía Tây Sơn cũng còn nhắc đến những việc “sát hại công thần”, chẳng hạn vụ Dương Trọng Tế [tức Khiêm] nhưng theo nhiều tài liệu cùng thời, họ Dương tuy có học [đỗ tiến sĩ khoa Giáp Tuất, 1754] nhưng tâm địa phản trắc, một trong những thành phần muốn đưa họ Trịnh trở lại nắm quyền.⁽¹⁷⁷⁾

Khâm định Việt sử còn chép là vua Lê mổ bụng đàn bà có thai với tướng Tây Sơn. Điều này cũng không có chứng cứ gì. Đáng để ý nhất là khi Tôn Sĩ Nghị muốn đưa Lê Duy Cẩn về Trung Hoa để giữ biệt xứ, chính Lê Duy Kỳ đã không chịu và xin cho ông này ở lại quê hương, cho thấy ông không phải là người tàn ác.

Tội lỗi của vua Chiêu Thống còn được kẻ ghét ông dùng ngay mẹ ông để tô điểm và nhấn mạnh:

...Kịp khi ấy, thái hậu ở Cao Bằng⁽¹⁷⁸⁾ về, vừa tới kinh, thấy vua chỉ thích làm những việc báo ân báo oán trái với phép thường như vậy, bèn nổi giận nói:

- Ta phải trèo đèo lội suối khó nhọc vất vả mới xin được quân sang đây... Phỏng chừng nhà nước chịu được mấy phen ơn, thù phá hoại như thế? Nếu cứ cách ấy mà làm thì trị sao được thiên hạ? Gái già này lại đến làm đứa lưu vong mất thôi!

Rồi thái hậu gào khóc, không chịu vào cung.⁽¹⁷⁹⁾

Thực ra, mãi đến đêm trừ tịch Tết năm Kỷ Dậu, thái hậu và những người tông vong mới về đến bờ sông Nhị Hà, vào đến nơi là Tết Nguyên Đán thì ngày mồng Hai đã nghe tin quân Tây Sơn đánh ở phía nam, anh em vua Lê lo việc đốc thúc quân cần vương lập phòng tuyến trấn thủ. Những việc kể lại trong *Hoàng Lê nhất thống chí* về việc quân Thanh và vua Lê ở Thăng Long phần nhiều là bịa đặt, mặc dù có thể có một số bày tôi lợi dụng thời cơ để dèn ơn trả oán.

Chính những chi tiết lấp lửng với dụng ý cho rằng vua Lê cậy thế quân Thanh để làm những điều bất nghĩa đã khiến cho hậu nhân tin chắc Lê Duy Kỳ là một hôn quân, tàn nhẫn.

1.2. Cầu viện nhà Thanh

Việc cầu viện nhà Thanh trước đây sử nước ta vẫn đổ riệt cho mẹ con vua Chiêu Thống, thực ra còn nhiều uẩn khúc, bề ngoài lấy tiếng là cứu giúp một triều đại đã thần phục hơn trăm năm nhưng bề trong do chủ yếu của Thanh triều, trong cả chính sách chung lẫn tham vọng riêng. Những gì có tính hình thức chỉ để hợp thức hóa tham vọng của họ.

Chính vì thế, khi thấy đối tượng không còn phù hợp với nhu cầu của họ nữa, nhà Thanh lập tức thay đổi kế hoạch để quay sang công nhận Nguyễn Quang Bình, mặc dù hậu quả của cuộc chiến khốc liệt còn vang vọng. Trong thế cuộc “đuổi hươu tranh đỉnh”, dù triều đại nào của nước ta thì cũng phải thần phục Trung Hoa, tư thế còn tùy theo từng lúc, từng khi nhưng tương quan giữa hai nước không suy suyển.

Một điều ít ai nhắc đến là chính Nguyễn Quang Bình đã tự ý xin được đổi hạn kỳ triều cống từ ba năm lên hai năm một lần và việc này đã trở thành thông lệ cho tới khi người Pháp chiếm Đông Dương nên nước ta không còn là thuộc quốc của Trung Hoa.

Khi chệch bại việc cầu viện Trung Hoa, chúng ta cũng đừng quên rằng Nguyễn Quang Toản và các em ông khi thất thế cũng cho người sang Tàu cầu cứu [nhưng bị cự tuyệt], và khi người Pháp đánh Bắc Kỳ thì vua Tự Đức cũng xin nhà Thanh trợ giúp. Tuy Thanh triều chỉ điều động một số thổ phỉ ở thượng du, hậu quả cũng đưa đến việc chúng ta bị mất một số đất dọc theo biên giới cho Trung Hoa theo thỏa ước mà người Pháp ký với Thanh triều.

2. Văn chương và nhân cách

2.1. Văn chương

Theo *Khâm định Việt sử*, vua Chiêu Thống rất yêu chuộng văn học, sáu ngày một lần cho giảng sách ở tòa Kinh Diên, ngày một lần giảng sách ở Viện Nội Hàn. Nhà vua cũng thường vời Bùi Dương Lịch vào cung bàn luận văn chương.⁽¹⁸⁰⁾

Di văn của Lê Duy Kỳ hầu như thất truyền. Trong nỗ lực của chúng tôi đến nay chỉ tìm được hai lá thư gửi Tôn Sĩ Nghị để xin cứu viện đã dẫn ở trên cùng với bài tư tiên Trần Danh An lúc lên đường. Những tờ biểu đó có thể được hợp soạn cùng với tòng thần đang ở chung với ông, cũng có thể người khác làm thay theo thói bình thường nên không lấy gì làm chắc chắn ông là tác giả. Ngoài ra, ông cũng còn để lại một vài bài thơ trong những trường hợp riêng lẻ.

Tháng Ba năm Tân Hợi (1791) khi nghe tin nhóm Lê Quýnh vì không chịu cắt tóc nên bị bắt giải lên kinh và giam ở ngục phía bắc Bộ Hình, vua Lê đã sai Nguyễn Quốc Đống mang trà và bạc tới ủy lạo họ. Cai ngục không cho nhận quà nhưng có chuyển lá thư ông gửi trong đó có ba bài thơ nhưng chúng tôi chỉ tìm thấy hai bài nguyên thi của vua Lê, thất lạc một bài và còn được ba bài họa của từng người trong nhóm Lê Quýnh, Trịnh Hiến, Lê Trị và Lý Bình

Đạo nên bài thơ thứ ba của vua Lê chỉ biết được những vần ông gieo chứ không thể đi xa hơn.⁽¹⁸¹⁾

Tuy văn thơ không nói được nhiều nhưng chúng ta cũng hiểu được đôi phần tâm sự của họ, trong hoàn cảnh khó khăn vẫn giữ vững tinh thần để mơ một ngày phục quốc. Lời văn tuy bi phẫn nhưng không có ý oán trách, chỉ nâng đỡ tinh thần nhau mà thôi.

Bài 1

故鄉迢遞信音杳，一賦旄丘百感招。
霜雪那堪非故國，風波誰與共今朝。
不須對泣增惆悵，且識登樓慰寂寥。
早識翻雲多不測，可將踪跡混漁樵。

Dịch âm

Cố hương thiêu đệ tín âm yêu,
Nhất phú Mao khưu⁽¹⁸²⁾ bách cảm chiêu.
Sương tuyết na kham phi cố quốc,
Phong ba thù dĩ cộng kim triều.
Bất tu đối khấp⁽¹⁸³⁾ tăng trừ trưởng,
Thả chí đặng lâu⁽¹⁸⁴⁾ ỷ tịch liêu.
Tảo thức phiên vân đa bất trắc,
Khả tương tung tích hỗn ngư tiều.

Dịch nghĩa

*Tin tức từ quê nhà thật là mù mịt,
Một bài phú Mao khưu dâng lên trăm nỗi buồn.
Sương tuyết này đâu có phải là nước cũ,
Sóng gió hôm nay liệu có ai chia sẻ cùng.
Than thở với nhau chỉ càng thêm nỗi buồn,
Mới hay lên lâu cũng chẳng hết vắng vẻ.
Nếu biết qua đây nhiều điều không lường được,
Thì đã ẩn tránh làm kẻ đi câu, hái củi rồi.*

Bài 2

一腔心事有誰知，鬱氣空懷渙斗箕。
身世嘆如潮蕩漾，行藏笑似柳離披。
勸君且酒新亭淚，待我還吟中露詩。
此去好憑三尺劍，肯教他氏獨鞭屍。

Dịch âm

Nhất xoang tâm sự hữu thù tri,
Uất khí không hoài hoán Đẩu Kỳ.
Thân thế thán như triều đãng dạt,
Hành tàng tiếu tự liễu ly phi.
Khuyến quân thả tửu Tân Đình lệ,
Đãi ngã hoàn ngâm trung lộ thi.
Thử khứ hảo bằng tam xích kiếm,
Khẳng giao tha thị độc tiên thi.

Dịch nghĩa

*Một mảnh tâm sự ai là người biết được?
 Uất khí ở trong lòng bốc lên tan cả sao Đẩu, sao Cơ.
 Thân thể thật lênh đênh như sóng biển,
 Vận mệnh thì chia lìa như cành liễu.
 Khuyên các ông hãy uống chén rượu nhỏ nước mắt ở Tân Đình,⁽¹⁸⁵⁾
 Đợi tôi ngâm xong bài thơ trung lộ.
 Nếu như lần này có thể dùng ba thước gương,
 Thì cũng mong được dùng roi đánh vào cái xác của kẻ kia.*

Lần thứ hai, vào khoảng tháng Tư cùng năm, vua Lê lại gửi thư an ủi những người trong ngục, nay còn bài họa lại của Lê Quýnh.⁽¹⁸⁶⁾

Bài 3

霧鎖塵遮又暑侵，居諸傳驛送愁吟。
 風雲不測仍嘗腑，雷雨當亨且誓心。
 謀脫虎關雞唱早，虔裝劍課石痕深。
 一成可發重興迹，直到時來濶我襟。

Dịch âm

Vụ tỏa trần già hựu thử xâm,
 Cư chư truyền dịch tống sâu ngâm.
 Phong vân bất trắc nhúng thường phủ,⁽¹⁸⁷⁾
 Lô vũ dương hanh thả thệ tâm.
 Mưu thoát hổ quan kê xướng táo,
 Kiền trang kiếm khóa thạch ngân thâm.
 Nhất thành khả phát trùng hưng tích,
 Trực đảo thời lai khoát ngã khâm.

Dịch nghĩa

*Tuy mây mù che phủ khắp nơi nhưng rồi cũng có lúc trời nắng,
 Cho nên gửi thư để cho bớt nỗi sầu.
 Tuy gió mây không lường được nhưng vẫn ném mật,
 Sấm sét chỉ trui rèn thêm tấm lòng son sắt.
 Toan tính chuyện ra khỏi hang hùm nên chờ tiếng gà gáy sớm,
 Giữ cho bền chặt để chém xuống đá vết sâu thêm.
 Một khi việc xong thì có thể khôi phục được cơ nghiệp cũ,
 Khi đó chúng ta lại được mặc áo rộng rồi.⁽¹⁸⁸⁾*

Lê Quýnh họa lại:

風塵颺起滿空侵，觸影撩愁枉浪吟。
 恨破詩囚衝黑地，怨穿節窖涌丹心。
 驥程早趁情彌篤，龜玉重昌望轉深。
 向日顧身慚對影，屢蒙過獎敢披襟。

Dịch âm

Phong trần biểu khởi mẫn không xâm,
 Xúc ảnh liêu sâu uổng lãng ngâm.

Hận phá thi tù xung hắc địa,
 Oán xuyên tiết khảo dững đan tâm.
 Ký trình tảo sấn tình di đốc,
 Quy ngọc trùng xương vọng chuyển thâm.
 Hương nhật cố thân tâm đối ảnh,
 Lũ mông quá tưởng cảm phi khâm.

Dịch nghĩa

*Một cơn gió bụi nổi lên thì sẽ lan ra khắp trời,
 Gặp nhau ngậm thơ xuống chỉ thêm sầu.
 Hận rằng không thể làm thơ để thoát ra khỏi nhà tù,
 Oán xuyên qua tiết tháo để lòng son lộ ra.
 Vó ngựa chạy theo đã tỏ được tám lòng chuyên nhất rồi,
 Ngọc rùa càng sáng thêm không bao giờ thay đổi.
 Mặt trời soi xuống quay lại thêm thẹn với bóng của mình,
 Máy lần khen ngợi như vậy đâu dám mong mặc áo nữa.*

2.2. Nhân cách

Về nhân cách của Lê Duy Kỳ, phần lớn các sử gia phán đoán theo những chi tiết mà *Khâm định Việt sử, Liệt truyện* hay *Hoàng Lê nhất thống chí* miêu tả.

Thực ra, khi lên ngôi, vua Chiêu Thống cũng hết sức làm những gì mình có thể làm nhưng trong tay ông, ngoài một số văn quan trói gà không chặt, một số lính hầu trong cung, các thế lực ở bên ngoài lại không ở trong tầm tay nên thật khó xoay chuyển tình thế. Những người có binh lực, dù không đáng kể cũng bắt ép ông đủ điều, từ Trịnh Lệ, Trịnh Bồng đến Đinh Tích Nhưỡng, Nguyễn Cảnh Thuớc, Hoàng Phùng Cơ... đều nay về mai phản. Đó là chưa kể Tây Sơn ở phía nam luôn luôn đe dọa và phá tan những gì vừa mới hình thành.

Khác với miêu tả trong *Hoàng Lê nhất thống chí*, theo *Lê quý kỷ sự*, khi Thiêm đô ngự sử Nguyễn Đình Lượng dâng biểu đàn hặc những người chạy theo giặc, vua Lê Chiêu Thống nói:

Nào ai có thích theo giặc đâu, chẳng qua người vì tình nhà, kẻ vì bố mẹ nên mới không tránh khỏi mối liên quan đến giặc thôi. Và lại, ta không giữ nổi nước nhà, thì sao nên còn nghiêm trách tôi con nữa?⁽¹⁸⁹⁾

Chi tiết này ngược lại hẳn với những tin đồn về việc ông đền ơn trả oán.

Tình nghĩa đối với người đi theo ông cũng đáng ghi nhận. Nhiều lần ông cho người đem quà và thư gửi cho những người bị giam trong ngục ở Bắc Kinh. Trong văn chương để lại, chúng ta thấy những người theo ông vẫn trung thành và kính trọng cho đến khi ông qua đời, không hề thấy điều gì tỏ ra coi thường ông. Lê Quýnh khi ra khỏi ngục thường đến viếng mộ ông và sau này tìm đủ mọi cách để thực hiện di mệnh là đưa được nắm xương tàn của ông về quê cũ. Cũng nên nhấn mạnh rằng khi lên làm vua, ông mới 19 tuổi và khi chạy sang Trung Hoa ông cũng chỉ mới 23. Khí độ như thế, chúng ta thấy tư chất ông không tầm thường mặc dù theo sử sách thì việc học của ông cũng rất hạn hẹp, không phải vì lười biếng mà vì thời thế tạo nên.

Nhìn lại những tài liệu của nhiều phía, chúng ta thấy có sự đồng tình của cả Thanh triều lẫn Tây Sơn muốn dựng ông trên cùng một mầu số, bất tài, nhút nhát, không có chí tiến thủ... và được lập lại dưới ngòi bút của sử thần triều Nguyễn. Nếu bỏ đi những thêm bớt mà thiên hạ ngụy tạo để nhân dáng ông thích hợp hơn với mô hình này, chúng ta thấy rằng ông vua cuối trào kia đáng thương hơn đáng ghét.

3. Kết luận

Trong hầu hết sách sử Việt Nam, việc nhà Thanh bãi binh không đánh An Nam lần thứ hai vẫn được ghi nhận là do Ngô Thì Nhậm làm trung gian dứt lốt để Phúc Khang An hết sức khuyên Thanh để từ bỏ việc xâm lăng. Như đã trình bày, chính sách của triều đình Trung Hoa được thực hiện trên một quy mô lớn, mỗi quyết định đều được thảo luận và nghiên cứu kỹ càng, xét theo đủ mọi tình huống chứ không phải là chuyện đơn giản và trẻ con như thế.

Việc công thủ của họ đều có những lý do bao gồm những tính toán lợi hại, về điều động quân đội, vận chuyển lương thực đến thời tiết, lực lượng, nói theo kiểu Trung Hoa là thiên thời, địa lợi, nhân hòa. Trong chiến tranh với nước ta, nhà Thanh không thấy có hy vọng chiến thắng và duy trì ưu thế nên không tiếp tục động binh. Xét cho cùng, mục tiêu tối hậu của họ là có một nước phiên thuộc tiếp tục thần phục và triều cống thì dù Lê Duy Kỳ, Nguyễn Huệ hay Nguyễn Ánh làm chủ nước Nam cũng không khác gì. Việc cứu giúp chỉ là cái tiếng ở bên ngoài và nếu thành công thì họ có thể can thiệp sâu hơn vào nội tình nước ta mà thôi.

Điều khúc mắc trong việc công nhận triều đình Tây Sơn là làm sao thi hành một giao ước trước đây Tôn Sĩ Nghị đã đạt được: quốc vương An Nam đích thân sang triều cận trong lễ bát tuần vạn thọ của vua Cao Tông năm Canh Tuất (1790). Khi tái lập Lê Duy Kỳ làm An Nam quốc vương, trong hoàn cảnh chết đi sống lại nên vua Lê đã sốt sắng tình nguyện làm việc này. Nay việc đưa Lê Duy Kỳ trở lại ngai vàng là một việc khó khăn và tốn kém, việc công nhận một vua mới dễ dàng hơn nhưng làm sao để tân vương cũng chấp nhận điều kiện đó lại là một việc không đơn giản.

Chính vì thế, công tác chính yếu của Phúc Khang An khi được điều sang làm Tổng đốc Lương Quảng không phải là việc giảng hòa [vì chính vua Quang Trung đã gửi thư lên Thanh đình để cầu phong rất sớm và vua Càn Long cũng thuận theo]. Vua Càn Long đã mật dụ cho Phúc Khang An ngay từ trước khi ông này đảo nhiệm sở là *“không cần phải làm lớn chuyện”* với hậu ý là dùng việc phong vương như một điều kiện trao đổi để Nguyễn Quang Bình phải chính thức tình nguyện sang Bắc Kinh vào năm sau.

Phúc Khang An cũng rất khôn khéo, tâu vua Càn Long rằng mình sẽ làm hết sức để *“dưỡng quân uy, tôn quốc thể”*. Chính sáu chữ này là xương sống của cả chính sách của Thanh triều bao gồm hai mục tiêu chính: 1) Dưỡng quân uy nhằm vào việc bãi binh mà không mang tiếng là khiếp nhược, 2) Tôn quốc thể là làm sao để An Nam quốc vương bằng lòng sang dự lễ ở Bắc Kinh để phô trương sự thịnh trị với chung quanh. Trong tiến trình nghị hòa, để đạt được những thỏa hiệp theo ý họ, Thanh triều đã dùng nhiều phương tiện, khi dọa nạt, khi vỗ về, lúc buông lúc nắm rất có bài bản.

Khi chép về một giai đoạn lịch sử đã trở thành “*hồng hoang*” như thời đại Tây Sơn, không những chúng ta phải xét lại nhiều vấn đề, nhiều nhân vật mà còn phải tìm hiểu những âm mưu đã ngụy tạo tài liệu để hướng dẫn quần chúng.

Sử thần nhà Nguyễn tuy không tuyệt đối nâng cao sự chính thống của triều đại một cách lộ liễu nhưng việc hạ thấp các thế lực khác là một điều bất buộc. Đối với kẻ thù dĩ nhiên việc bôi bác có chiều triệt để hơn nhưng ngay cả với những thế lực “*bạn*” như Xiêm La, Pháp cũng bị phủ nhận một cách khéo léo nhằm chứng minh cho quốc dân biết rằng công lao chính yếu trong việc khôi phục giang sơn vẫn là của chúa Nguyễn, sự giúp đỡ nếu có chỉ rất nhỏ nhoi.

Nhà Lê tuy không phải là một thế lực tranh bá đồ vương với họ Nguyễn nhưng vẫn còn nhiều ảnh hưởng với quần chúng Bắc Hà, người dân vẫn ghi nhớ công lao của vua Thái Tổ đuổi quân Minh và những thời kỳ thịnh trị kế tiếp. Ngay chính họ Nguyễn ở Đàng Trong cũng phải thần phục vua Lê không phải một đời mà kéo dài đến hơn 200 năm. Chính vì thế, vị vua cuối cùng của nhà Lê và những người theo ông đã bị nhấn mạnh trong nỗ lực “*rước voi về giày mò*” cũng không ngoài mục đích truất đi cái thiên mệnh của họ, xóa nốt những dư hưởng của một triều đại chính thống. Cho đến những ngày cuối cùng khi chúa Nguyễn sắp sửa hoàn thành công cuộc thống nhất đất nước và tiêu diệt toàn bộ đối phương, ông vẫn khôn khéo nhân danh nhà Lê, và sử dụng chiêu bài tôn Lê như miếng mồi nhử sĩ phu Bắc Hà để họ tích cực trong việc ủng hộ triều đại mới, hay ít nhất giữ thái độ chống đối nhà Tây Sơn dù chỉ tiêu cực:

...Cho tới bấy giờ [1802, ghi chú của người viết] chúa Nguyễn vẫn công nhận họ Lê là dòng chính thống, hề có làm việc gì cũng là nhân danh Lê triều và chỉ xưng là Tổng trấn, chiến đấu nhân danh vua Lê và cố gắng phục hưng vương tộc đã bị giặc Tây Sơn cướp hết quyền. Chỉ theo quan điểm ấy thì khắp nơi dân chúng mới sốt sắng giúp rập chúa và tất cả nhân dân Đàng Ngoài ngã (sic) về phe chúa. Tóm lại, ngay khi chắc chắn hoàn thành cuộc chinh phục giang sơn, vị chúa ấy đòi hỏi việc suy tôn vương hiệu và đối với các hậu duệ họ Lê chỉ tỏ lòng trắc ẩn và coi như không xứng đáng với đế vị...⁽¹⁹⁰⁾

Chính vì có nhiệm vụ nêu cao sự chính thống của nhà Nguyễn và nhấn mạnh vào sự “*đánh mất thiên mệnh*” của nhà Lê nên cuộc đời của Lê Duy Kỳ bị xuyên tạc ở nhiều điểm, thù dật thêm cũng có mà bóp méo với ác ý cũng có. Các sử thần nhà Nguyễn cố tình miêu tả triều đại cuối cùng của nhà Lê như một nhóm người hèn yếu chủ trương nhờ cậy người ngoài, mất hết chủ quyền và hoàn toàn lệ thuộc vào quân địch. Trong khi đó, Thanh triều lại nhấn mạnh vào cái thế chính nghĩa của họ và đổ cho Lê Duy Kỳ vô tài “*bị trời ghét bỏ*” nên phải chấm dứt sự yểm trợ và chuyển sang việc công nhận một họ khác.

Một cách thẳng thắn, không phải con người của Lê Duy Kỳ không có những điểm đáng ghi nhận. Tuy suốt thời kỳ thơ ấu ông bị giam trong ngục, chỉ được sống vài năm gọi là thoải mái khi vua Hiến Tông còn sống nhưng qua thơ văn, hành trạng, chúng ta thấy ông không phải là một hôn quân. Những nỗ lực cải cách để nắm thực quyền của ông không có cơ hội thực hiện, phần vì triều đình đơn bạc, phần vì các sứ quân cát cứ không khuông phò, những người có đôi chút thực lực thì lại chỉ muốn lợi dụng thời cơ để thay quyền chúa Trịnh mà không đoái tưởng đến việc phù Lê.

Lê Duy Kỳ bị vướng mắc trong một hoàn cảnh rất khó giải quyết, những thế lực muốn lôi kéo ông đều không ngoài mục tiêu lợi dụng cái thế chính thống của một triều đại trị vì gần 400 năm. Việc quân Thanh kéo sang nước ta tuy là một biến cố bất ngờ ông không dám nghĩ đến, cũng không phải do chủ ý ông muốn cầu ngoại bang đến giúp. Chỉ đến khi quân Thanh đại bại, mẹ con ông cùng một số di thần chạy được sang Trung Hoa chỉ để cho khỏi chết chứ không phải muốn làm dân “*nội địa*”. Đến khi không có thể trở về được nữa, ông và những người đi theo đành chấp nhận đời sống lưu vong như người dân mất quê hương ở mọi thời đại, đông cũng như tây, kim cũng như cổ.

Dầu sao chẳng nữa, nhóm người nhỏ bé đó cũng nêu cao được khí tiết, không làm điều gì gọi là nhục cho nước Nam. Một Lê Quýnh với câu nói: “*Đầu có thể đứt, tóc không thể cắt, da có thể lột, áo không thể đổi*”⁽¹⁹¹⁾ đáng được ghi vào thanh sử. Trong hoàn cảnh khắc nghiệt, vua tôi nhà Lê tuy chỉ có thể có những phản kháng tiêu cực và lẻ tẻ, nhưng dầu sao chẳng nữa, tình cảnh của một ông vua thất thế cũng nói lên sự chua chát của cuộc đời:

Năm Giáp Tý (1804), niên hiệu Gia Long thứ 3 (Thanh, năm Gia Khánh thứ 9), vua Thanh cho phép đưa linh cữu vua Lê, thái hậu và nguyên tử về nước. Tháng 2, mở quan ván ra, thì thấy: vua Lê, da thịt đều tiêu cả, chỉ riêng có quả tim vẫn không nát, hãy còn róm máu tươi đỏ như lúc sống. Ai trông thấy cũng phải xót xa, kinh ngạc...⁽¹⁹²⁾

Sự kiện này tuy có chỗ còn đáng ngờ, có thể do bịa đặt để làm cho hoàn cảnh vua Lê thêm bi phẫn nhưng cũng đáng cho chúng ta phải nhìn lại vấn đề một cách nhân bản hơn.⁽¹⁹³⁾

Lúc đầu vua Gia Long có hậu đãi con cháu nhà Lê nhưng chủ yếu là để trấn an dân tình miền Bắc. Tuy nhiên, khi có cơ hội, ông vẫn không tha dù âm mưu bội phản rất mơ hồ. Tháng Giêng năm Bính Tý (1816), Gia Long thứ 15, Diên Tự công Lê Duy Hoán mưu phản nên bị bắt, toàn gia bị xử tử. *Quốc sử di biên* chép rằng:

Diên Tự công Lê Duy Hoán có tội, bị giết.

Năm Quý Dậu trước, Hoán có tội bị tước bổng, thường uất ức không vui, ngầm nuôi sư Hà Liễu, làm án đồng giả. Việc phát giác, Hoán cùng vợ con bị giải vào kinh, phải tội lăng trì, thầy ném xuống Bạng Hồ; gia đồng 13 người đều bị xử tử. Con nhỏ là Duy Lương trốn vào núi. Chiếu rằng: “Đã phong tước thượng công, lại hậu cấp lương bổng, xét vào lý, thì lấy oán báo đức; trách vào lòng, thì là lấy tội thờ vua. Trẫm vẫn không muốn trị tội, nhưng đình thần bàn khêp vào pháp luật...”⁽¹⁹⁴⁾

Đến đời Minh Mạng, một số người Lào cũng bị nghi là hậu duệ nhà Lê nên bị bắt và bị xử tử.⁽¹⁹⁵⁾

Việc tìm lại chân diện mục của vua Lê trở nên khó khăn hơn khi ông là nạn nhân của cả ba thế lực nổi bật thời đó - Thanh triều là thế lực lúc đầu ủng hộ, về sau ruồng rẫy ông, Tây Sơn là kẻ thù trong những giai đoạn khó khăn nhất cố tình đuổi tận giết tuyệt, và triều Nguyễn là đao phủ sau cùng để chặt nốt những di sản mà họ e ngại rằng còn rơi rớt trong tâm tư người dân đất Bắc.

Thế nhưng cá nhân Lê Chiêu Thống không đến nỗi tệ hại dù rằng bất cứ một vị vua sau cùng của một triều đại đều bị quy trách tội lỗi làm mất nước. Người ta không tìm thấy chứng cứ ông đam mê tử sắc, tin dùng nịnh thần nên cũng bịa ra một số tội trạng mơ hồ như “*sát thúc, dâm muội*”, chỉ lo trả oán như mổ bụng đàn bà chữa, chặt chân chú vắt xuống giếng... mặc dù không có chứng cứ cụ thể nào, xem ra chỉ là những vu cáo có ác ý. Sử quan cũng gán cho mẹ ông chủ mưu sang Long Châu vào sân tổng đốc “*gào khóc xin cứu viện*” lại can thiệp vào triều chính, theo mẫu hình Từ Hy, Võ Hậu còn cận thần là Lê Quýnh thì “*chỉ lo đền ơn trả oán và công nhiên ăn của đút lót*”. Biến chuyển trong 28 năm cuộc đời Lê Duy Kỳ là những mốc quan trọng nếu chúng ta lần theo đó để nhìn lại toàn bộ tương quan chằng chịt làm nền tảng cho chính sách ngoại giao của Trung Hoa với phiên thuộc.

Vua Lê, nếu chỉ xét trong một giai đoạn ngắn như sử sách thường nhấn mạnh - từ lúc vong thân nhà Lê chạy qua Long Châu đến khi quân Thanh kéo sang để rồi bị đánh cho tan tác khiến cho vua tôi lại lếch thếch chạy sang Tàu nương nhờ đến cuối đời - là một mẫu người nếu không đáng trách thì cũng chẳng có gì đáng khen. Thế nhưng khi một số chi tiết khả tín khác được bạch hóa, chúng ta mới thấy rằng sự thật chưa hẳn đã hoàn toàn như những gì chúng ta từng biết.

N D C

CHÚ THÍCH

- (175) *Khâm định Việt sử*, quyển XLVII, bản dịch Viện Sử học, tập II (1998), tr. 844.
- (176) *Hoàng Lê nhất thống chí* (2002), tr. 365.
- (177) *Khâm định Việt sử*, quyển XLVII, tập II, bản dịch Viện Sử học (1998), tr. 812.
- (178) Đúng ra là ở Nam Ninh về nước theo đường Lạng Sơn, qua cửa Nam Quan.
- (179) *Hoàng Lê nhất thống chí* (2002), tr. 365.
- (180) *Khâm định Việt sử*, quyển XLVII, bản dịch Viện Sử học, tập II (1998), tr. 808
- (181) Những tài liệu này đăng trong tạp chí *Nam phong* và tập *Nam Thiên trung nghĩa thực lục*.
- (182) Mao khưu trong *Kinh Thi* [Bội phong] nguyên là bài thơ của nước Lê thỉnh cầu nước Vệ đem binh cứu viện nhưng không được việc gì.
- (183) Tích Vương Chương [Tây Hán] khi còn hàn vi bệnh tật phải nằm ổ rơm mà khóc bị vợ trách rằng: “Trong triều hiện nay đâu có ai hơn anh, hà tất phải chán nản”. Sau có câu thành ngữ “*ngưu y đối khắp*” [牛衣對泣].
- (184) *Đăng lâu* là bài thơ của Đỗ Phủ, đại ý nói lên lầu thường hoa nhưng không lòng dạ nào vì nghĩ đến rợ Hung Nô xâm lấn. Bài thơ có hai câu: 北極朝廷終不改, 西山寇盜莫相侵 (Bắc cực triều đình chung bất cải, Tây sơn khấu đạo mạc tương xâm) rất ý nghĩa vì vừa nói lên chỗ vô tình của triều đình nhà Thanh vừa nói lên được sự khao khát được giúp đỡ để đánh Tây Sơn. *Đối khắp, đăng lâu* là hai từ bình thường nhưng vua Chiêu Thống đã lồng vào hai điển cố rất hay.
- (185) Khi nhà Đông Tấn sắp mất phải chạy xuống miền Nam, các cựu thần họp nhau uống rượu ở Tân Đình. Chu Khải nói: “Phong cảnh vẫn thế, non sông không còn như xưa”. Vương Đạo nói: “Chúng ta phải hết sức phò tá nhà vua lấy lại nước, việc gì phải bắt chước người tù nước Sở, nhìn nhau mà khóc phỏng có ích gì?”. Về sau có câu ngạn ngữ “Tân Đình đối khắp”. Tân đình còn có nghĩa là nơi ở mới ám chỉ nhà ngục mà nhóm Lê Quýnh mới bị giam hay nơi ở của Lê Duy Kỳ ở Yên Kinh.
- (186) Trần Khánh Hạo & Vương Tam Khánh (chủ biên), *Việt Nam Hán văn tiểu thuyết tùng san* (quyển VI) (Paris-Taipei: École Française d'Extrême-Orient & Editions Universitaires de Taipei, 1986), tr. 79-80.

- (187) Chữ này theo chúng tôi phải là thường đảm [嘗膽] (nếm mật) nhưng có lẽ vua Lê muốn tránh đi để quân canh khởi để ý và ngăn chặn. Theo nội dung hai bài thơ, có lẽ bài này gởi riêng cho Lê Quýnh để khen ngợi tiết tháo nên trong bài thơ họa lại, Lê Quýnh cũng khiêm tốn không dám nhận.
- (188) Tay áo của Mãn Thanh hẹp để tiện cho việc cưỡi ngựa, bản cung khác với lối áo rộng thùng thình của quan lại nước ta. Ý nói được trở lại phong tục và y phục trong nước.
- (189) *Lê quý kỷ sự* (1974), tr. 119.
- (190) Nguyễn Ngọc Cư (dịch), “Những ngày tàn của Tây Sơn dưới mắt các giáo sĩ Tây phương”, [Tài liệu của Hội Truyền giáo nước ngoài tại Paris], tập san *Sử địa* số 21 (1-3/1971), tr. 151-2 [thư của Giáo sĩ Ph. Sérard gởi cho Giáo sĩ Blandin].
- (191) 吾輩頭可斷, 髮不可斷. *Ngô bối đầu khả đoạn, phát bất khả đoạn*.
- (192) *Khâm định Việt sử*, quyển XLVII, bản dịch Viện Sử học (1998), tr. 854.
- (193) Giáo sư Hoàng Xuân Hãn đoán rằng có thể là “tâm miêu” (artère aorte) mà ông dịch là “cuống tim”. Hoàng Xuân Hãn: “Bắc hành tùng ký” trong *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn*, Tập II (1998), tr. 928. Theo chúng tôi, tâm miêu ở đây chính là quả tim theo nghĩa rộng thời đó. Nếu chỉ là một cuống tim chắc không mấy ai để ý. *Hán ngữ đại từ điển* (1986), quyển VII, tr. 376 định nghĩa tâm miêu với nhiều thí dụ: 1) tâm, nội tâm; 2) tâm ý, tâm tư.
- (194) *Quốc sử di biên*, bản dịch của Viện Sử học (2009), tr.145.
- (195) M.L. Manich Jumsai, *History of Laos* (2nd Ed.), (Bangkok: Chalermnit 1-2 Erawan Arcade, 1971), tr. 121.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bá Dương (柏楊). *Trung Quốc nhân sử cương* (中國人史綱) (thượng và hạ, tu đính bản), Đài Bắc: Tinh Quang xuất bản xã, 1996.
2. Bùi Dương Lịch. *Nghệ An ký* (Nguyễn Thị Thảo dịch), Hà Nội: KHXH, 1993.
3. Chia Ning. “The Lifanyuan and the Inner Asian Rituals in the early Qing (1644-1795)”, *Late Imperial China*, Vol. 14, No. 1 (June 1993): 60-92.
4. George Dutton. *The Tây Sơn Uprising - Society and Rebellion in Eighteenth-Century Vietnam*, Honolulu: University of Hawai'i Press, 2006.
5. Hoa Bằng. *Quang Trung Nguyễn Huệ, anh hùng dân tộc 1788-1792*, California: Đại Nam (không để năm), (in chụp lại theo bản lần thứ hai của Sài Gòn: Thư Lãm ấn thư quán, 1958).
6. Hoàng Xuân Hãn. *La Sơn Phu Tử*, Sài Gòn: Minh Tân, 1952.
7. Hoàng Xuân Hãn. *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn*, [ba tập], Hữu Ngọc - Nguyễn Đức Hiền (sưu tập), Hà Nội: Nxb Giáo dục, 1998.
8. Arthur W. Hummel. (chủ biên). *Eminent Chinese of the Ch'ing Period (1644-1912)* (清代名人傳略), Taipei: Ch'eng Wen Publishing Company, 1970. (In lại theo bản của chính phủ Mỹ, Washington, 1943).
9. La Trúc Phong (罗竹风) chủ biên. *Hán ngữ đại từ điển* (漢語大詞典), Thượng Hải: Thượng Hải từ thư xuất bản xã, 1986.
10. Lại Phúc Thuận (賴福順). *Càn Long trọng yếu chiến tranh chi quân nhu nghiên cứu* 乾隆重要戰爭之軍需研究, Đài Bắc: Quốc lập cổ cung bác vật viện, 1984.
11. Lam Ngọc Xuân (藍玉春). *Trung Quốc ngoại giao sử - Bản chất dữ sự kiện, xung kích dữ hồi ứng* (中國外交史 - 本質與事件, 衝擊與回應), Đài Bắc: Tam Dân thư cục, 2007.
12. Alastair Lamb. *British Missions to Cochinchina: 1778-1822*, Kuala Lumpur: Printcraft Ltd., 1961. (Journal of the Malayan Branch Royal Asiatic Society - Vol. 34, Parts 3 & 4, No. 195-196).
13. Alastair Lamb. *The Mandarin Road to Old Hué*, London: Chatto & Windus, 1970.
14. Lê Quý Đôn. *Đại Việt thông sử* (Tủ sách Cổ văn, bản dịch Trúc Viên Lê Mạnh Liêu), Sài Gòn: Bộ Văn hóa-Giáo dục và Thanh niên, 1973.
15. Lê Quýnh (黎囿). *Bắc hành lược ký* (北行略記), *Nam Phong tạp chí* (125-131).

16. Lưu Ngạn (劉彥). *Trung Quốc ngoại giao sử* (中國外交史), Đà Bắc: Tam Dân thư cục, 1990 (in lần thứ tư).
17. M.L. Manich Jumsai. *History of Laos* (2nd Ed.), Bangkok: Chalermnit 1-2 Erawan Arcade, 1971.
18. Charles B. Maybon. *Histoire Moderne du Pays d'Annam (1592-1820)*, Paris: Librairie Plon, 1920.
19. Charles B. Maybon. *La Relation sur le Tonkin et la Cochinchine de Mr de la Bissachère*, Paris: Librairie Ancienne Honoré Champion, 1919.
20. Henry Mcleavy. *The Modern History of China*, New York: Frederick A. Praeger, Inc., 1967.
21. Đặng Phương Nghi. *Les Institutions Publiques du Viet-Nam au XVIII^e Siècle*, Paris: École Française d'Extrême-Orient, 1969.
22. Ngô gia văn phái. *Hoàng Lê nhất thống chí* (bản dịch Nguyễn Đức Vân, Kiều Thu Hoạch), Hà Nội: Văn học, 2002.
23. Ngô Cao Lãng. *Lịch triều tạp kỷ* (Hoa Bằng và Hoàng Văn Lâu dịch), Hà Nội: Khoa học xã hội, 1995.
24. Nguyễn Lương Bích. *Lược sử ngoại giao Việt Nam các thời trước*, Hà Nội: Quân đội nhân dân, 1996.
25. Đinh Lệnh Uy (丁令威). *Tang thương lệ sử* (桑滄淚史), *Nam Phong* tạp chí (phần Hán văn), quyển 23, (Hà Nội, 1928).
26. Phạm Văn Thắm (dịch). *Lê quý dật sử*, Hà Nội: Khoa học xã hội, 1987.
27. Phan Thúc Trục (潘叔直). *Quốc sử di biên* (國史遺編), Hương Cảng: Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, 1965.
28. Phan Thúc Trục. *Quốc sử di biên* (bản dịch Hồng Liên Lê Xuân Giáo), Sài Gòn: Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, 1973.
29. Phan Thúc Trục. *Quốc sử di biên* (bản dịch Đỗ Mộng Khương, Viện Sử học, Viện KHXHVN), Hà Nội: Văn hóa-Thông tin, 2009.
30. Phan Trần Chúc. *Cuộc đời trôi nổi và đau thương của vua Lê Chiêu Thống*, Hà Nội: Văn hóa-Thông tin, 2001.
31. Phương Lược Quán triều Thanh (方略館). *Khâm định An Nam kỷ lược* (欽定安南紀略), Hồ Nam: Hải Nam, 2000. (Chụp lại nguyên bản từ Ngự thư phòng vua Gia Khánh, hiện tàng trữ tại Cố cung bác vật viện Bắc Kinh).
32. Phó Khải Học (傅啟學). *Trung Quốc ngoại giao sử* (中國外交史) [thượng-hạ], Đà Bắc: Đài Loan thương vụ, 1972.
33. Quang Trung Nguyễn Huệ. *Đại Việt quốc thư* (Đình Thụ Hoàng Văn Hòe dịch), Sài Gòn: Trung tâm Học liệu, Bộ Giáo dục, 1973.
34. Quách Chấn Phong (郭振鋒) và Trương Tiểu Mai (張笑梅) (chủ biên). *Việt Nam thông sử* (越南通史), Bắc Kinh: Trung Quốc nhân dân đại học xuất bản xã, 2001.
35. Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (2 tập), (bản dịch Viện Sử học), Hà Nội: Nxb Giáo dục, 1998.
36. Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*, tập 1 (bản dịch Viện Sử học), Hà Nội: Nxb Giáo dục, 2001.
37. Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Nhà Tây Sơn (Đại Nam chính biên liệt truyện: Ngụy Tây)* (bản dịch Tạ Quang Phát), Sài Gòn: Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, 1970.
38. Quốc Sử Quán triều Thanh. *Cao Tông thực lục*, quyển hạ, Hồ Bạch Thảo (dịch), New Jersey: Thư ấn quán, 2005.
39. Quốc Sử Quán triều Thanh. *Cao Tông thực lục*, quyển thượng, Hồ Bạch Thảo (dịch), New Jersey: Thư ấn quán, 2004.
40. Jonathan D. Spence. *The Search for Modern China*, New York: W.W. Norton & Co., 1990.
41. Tang Lệ Hòa (臧勵蘇) (chủ biên). *Trung Quốc nhân danh đại từ điển* (中國人名大辭典) [bản tăng bổ lần thứ 2], Đà Bắc: Đài Loan thương vụ ấn thư quán, 1979.

42. Thanh thực lục (清實錄): *Cao Tông Thuần Hoàng Đế thực lục* (高宗純皇帝實錄), Bắc Kinh: Trung Hoa thư cục, 1986.
43. Trần Khánh Hạo (陳慶浩) chủ biên. *Việt Nam Hán văn tiểu thuyết tùng san* (越南漢文小說叢刊), đệ lục tập (7 quyển); đệ nhất tập (7 quyển); đệ nhị tập (5 quyển), Paris-Taipei: École française d'Extrême-Orient & Editions Universitaires de Taipei, 1986, 1992.
44. Trần Trọng Kim. *Việt Nam sử lược* (quyển 1 và 2), California: Đại Nam, không đề năm, (chụp lại bản in năm 1971 của Trung tâm Học liệu, Bộ Giáo dục, Sài Gòn).
45. Trang Cát Phát (莊吉發). *Thanh Cao Tông thập toàn võ công nghiên cứu* (清高宗十全武功研究), Đài Loan: Cổ cung tùng san, Giáp chủng số 26, tháng 6 năm 1982.
46. Trung Tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia. *Tổng tập văn học Việt Nam* (trọn bộ 42 tập), Hà Nội: KHXH, 2000.
47. *Văn hiến tùng biên* (文獻叢編) [thượng-hạ], Đài Bắc: Quốc Phong, 1964.
48. Viện Nghiên cứu Hán Nôm Việt Nam (cộng tác với Phục Đán đại học, Trung Quốc). *Việt Nam Hán văn yên hành văn hiến tập thành* 越南漢文燕行文獻集成 (toàn bộ 25 quyển), Bắc Kinh: Phục Đán đại học xuất bản xã, 2010.
49. *Việt Nam Hán văn yên hành văn hiến tập thành*, Quyển VI: Lê Quýnh, "Bắc hành tùng ký", Bắc Kinh: Phục Đán đại học xuất bản xã, 2010.

TÓM TẮT

Lê Chiêu Thống là vị vua cuối cùng của triều Lê, tuy chỉ tại vị trong thời gian rất ngắn và phải sớm lia đời khi tuổi thanh xuân nhưng trong con mắt của người đời sau ông là một vị vua hèn nhát, mang nhiều tội lỗi đáng nguyền rủa, trong đó có tội danh ô nhục nhất: bán nước. Căn cứ vào nhiều nguồn sử liệu khác nhau, biên khảo này trình bày khá chi tiết về cuộc đời và thân phận long đong của vua Chiêu Thống. Việc tìm lại chân diện mục của vua Lê trở nên khó khăn hơn khi ông là nạn nhân của ba thế lực nổi bật thời đó: Thanh triều là thế lực lúc đầu ủng hộ, về sau lại ruồng bỏ ông; Tây Sơn là kẻ thù trong những giai đoạn khó khăn nhất cố tình đui mắt giết tụy; và triều Nguyễn là đao phủ sau cùng chặt mất những mối liên hệ với tiền triều mà họ lo ngại sẽ ảnh hưởng đến triều đại mới.

Vua Lê Chiêu Thống nếu chỉ xét trong một giai đoạn ngắn như sử sách thường nhấn mạnh - từ lúc vong thân nhà Lê chạy sang Trung Hoa nương nhờ cho đến khi quân Thanh kéo sang xâm lược nước ta để rồi bị đánh cho tan tác khiến cho vua tôi lại lếch thếch chạy sang Trung Hoa nương nhờ đến cuối đời - là một mẫu người nếu không đáng trách thì cũng chẳng có gì đáng khen. Thế nhưng khi một số chi tiết khả tín khác được bạch hóa, chúng ta mới thấy rằng sự thật chưa hẳn đã hoàn toàn như những gì chúng ta từng biết.

ABSTRACT

LÊ DUY KỲ (1766-1793) - BEING PITIED OR CONDEMNED?

Lê Chiêu Thống was the last king of the Lê Dynasty. Though he only reigned over Vietnam in a short time and died young, he was considered a coward king with a lot of cursed offences, especially the most ignoble crime of betraying his country.

Based on various historical sources of data, the research presents some details about the unlucky life and fate of King Lê Chiêu Thống. It is hard to see through him when he was the victim of three prominent forces at that time: The Qing Dynasty, who supported him at first, then abandoned him; the Tây Sơn, his enemy in the most difficult period, who pursued him closely; and the Nguyễn Dynasty, the last executioner, who wanted to cut all relations with the former dynasty.

If considering King Lê Chiêu Thống during his short time of fleeing to China, then the defeat of Qing invaders that he sought reinforcements, and his last escape to China until his death, he wasn't praiseworthy at all. However, when some credible information is publicised, we will see that the reality is not completely true as what we've known.